CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cao su Hòa Bình

Ngày 30/09/2025	32,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.2%	**-5.2%**	**-**

DT thuần
Q3/25
67.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.70| 13.0%
YoY: ▼10.1| -13.0%

LN thuần
Q3/25
22.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.1| 1316%
YoY: ▲ 16.7| 276%

LN sau thuế
Q3/25
22.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.7| 564%
YoY: ▲ 16.0| 270%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
39.4%
YoY: +/-▲ 28.9%

ROE (TTM)
Q3/25
14.6%
YoY: +/-▲ 2.5%

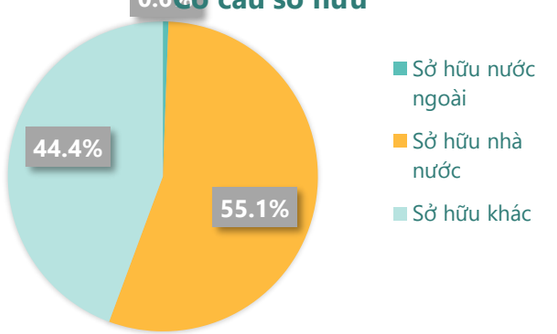
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	29,100 - 49,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	971
Số lượng CPLH (CP)	30,206,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)	490
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.52
EPS	2,830
P/E	11.4

DT thuần
9T 2025
164
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.0| 31.9%

LN thuần
9T 2025
25.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.2| 870%

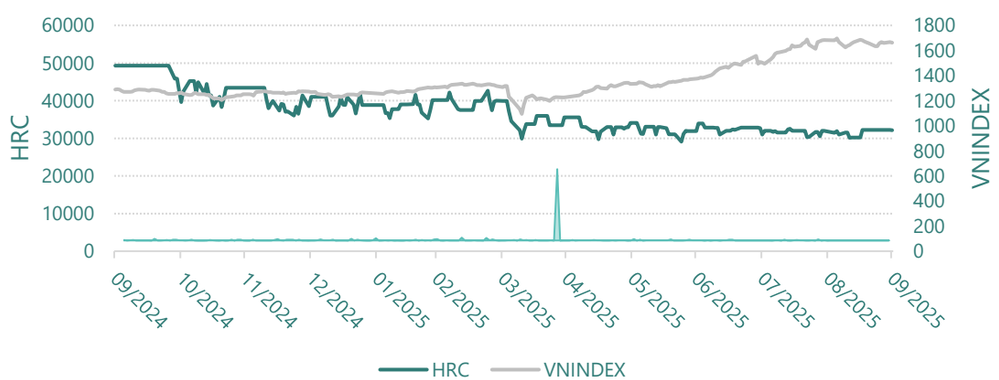
LN sau thuế
9T 2025
26.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.9| 290%

Cơ cấu sở hữu

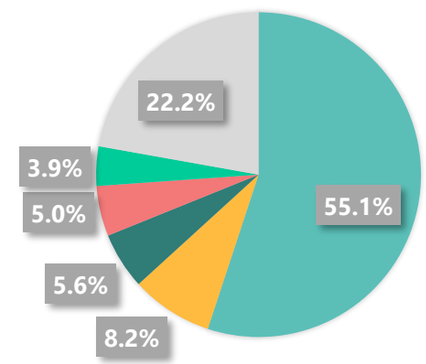


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

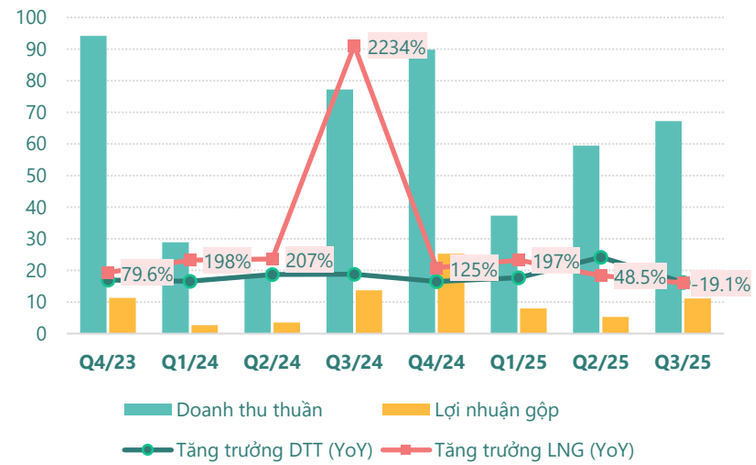


- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
- Nguyễn Lượng Khoa Toàn
- Lê Thị Phương Nga
- Nguyễn Thanh Thùy Minh
- Trần Ngọc Xuân Trang
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

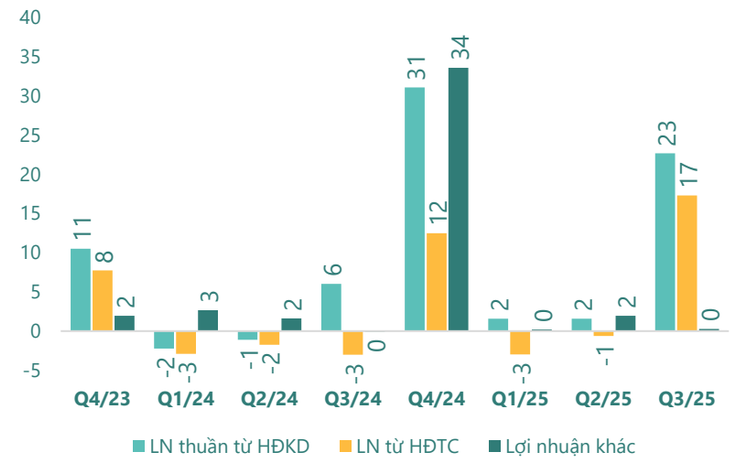
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



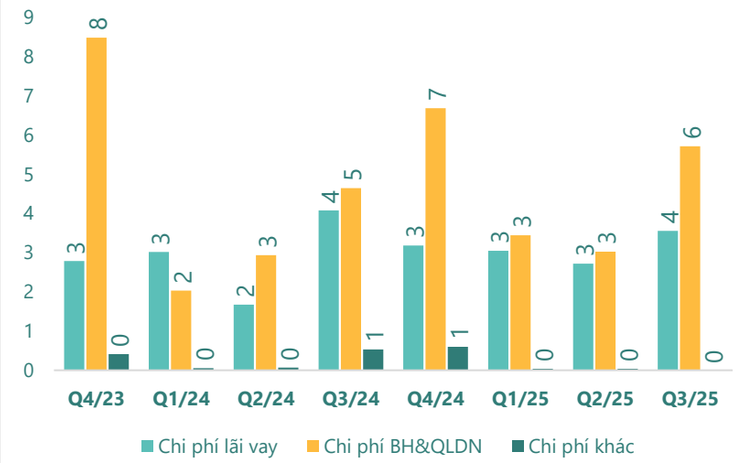
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



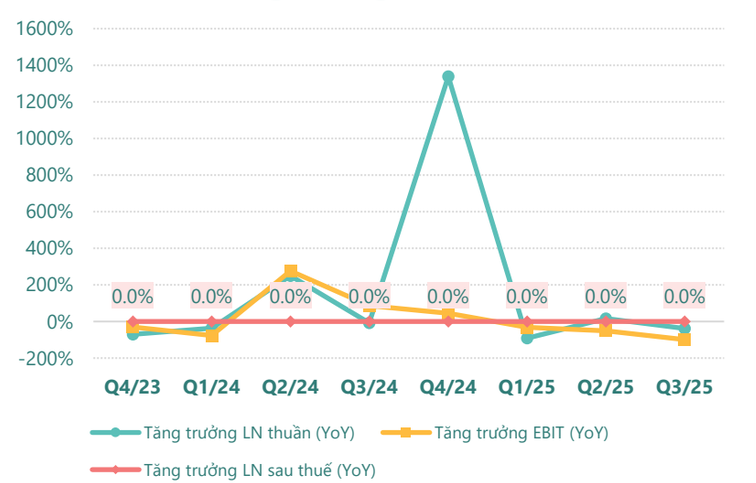
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



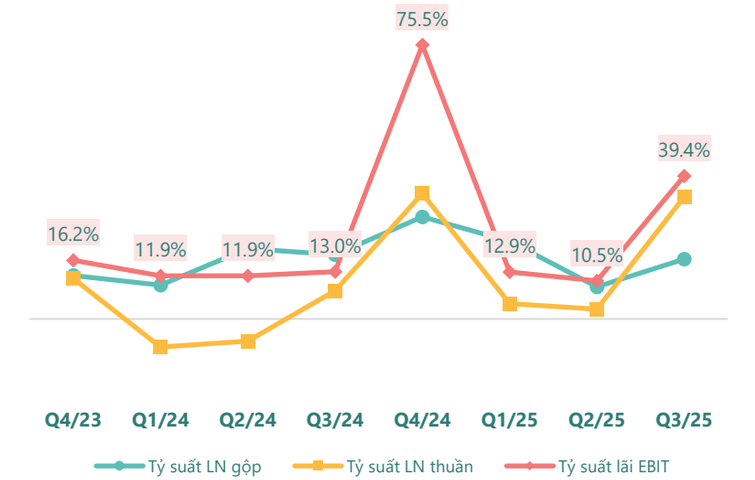
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



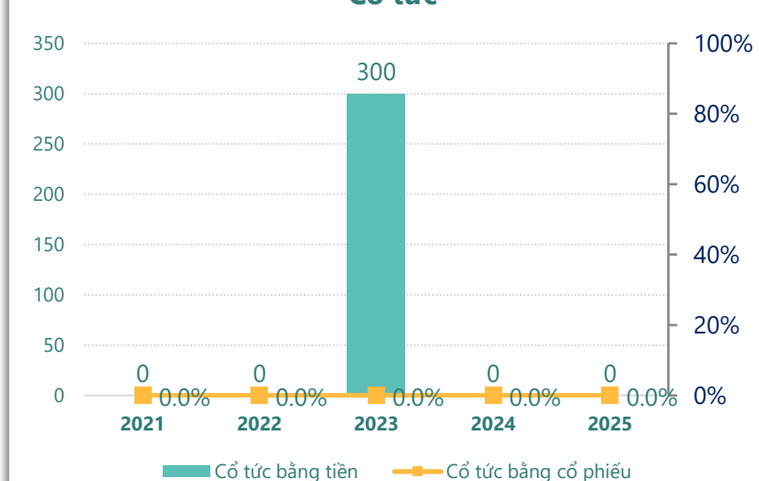
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

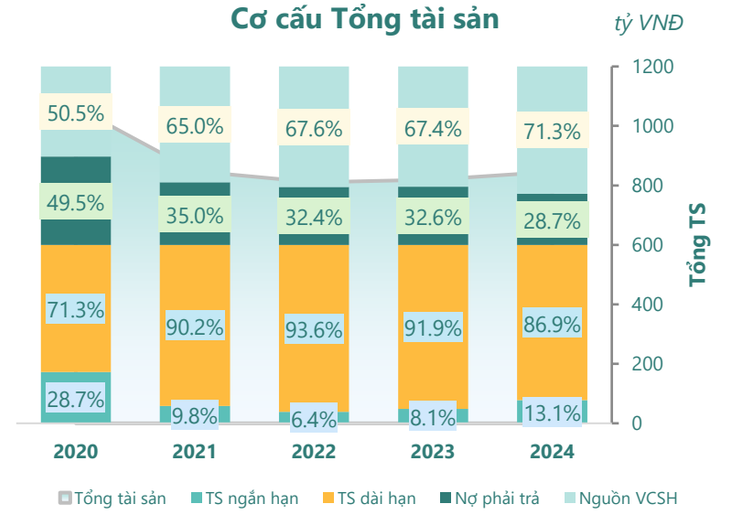
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

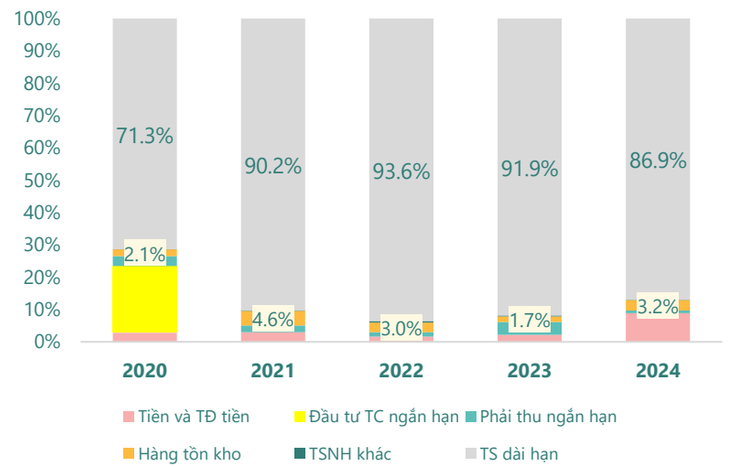
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



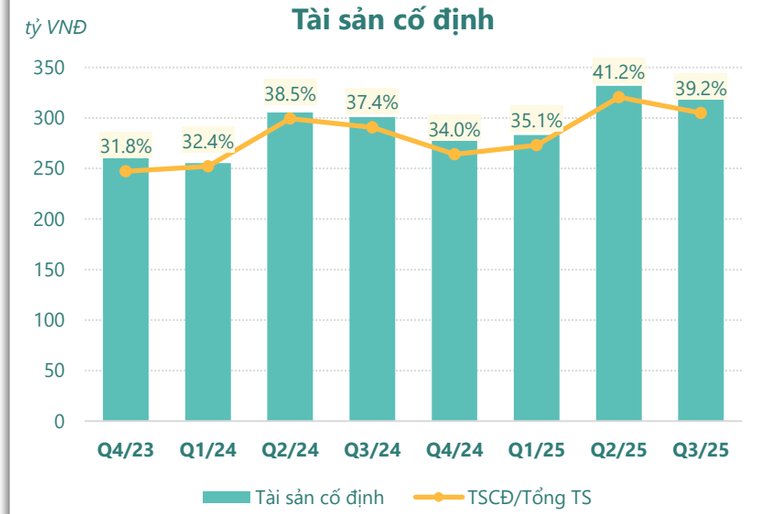
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



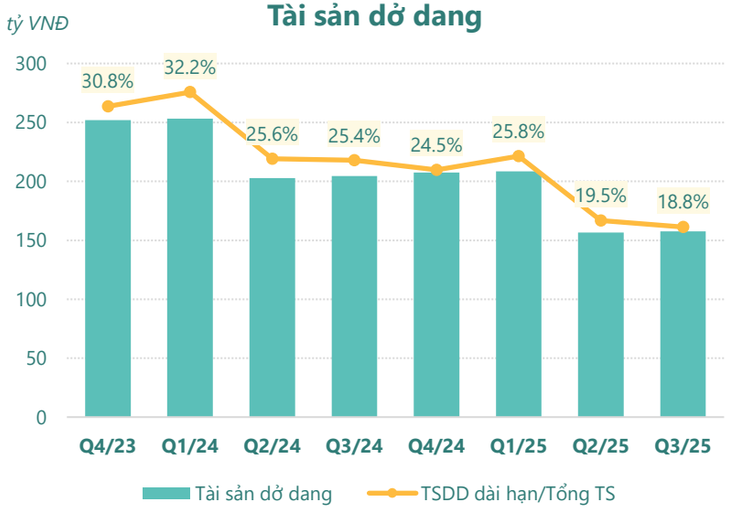
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



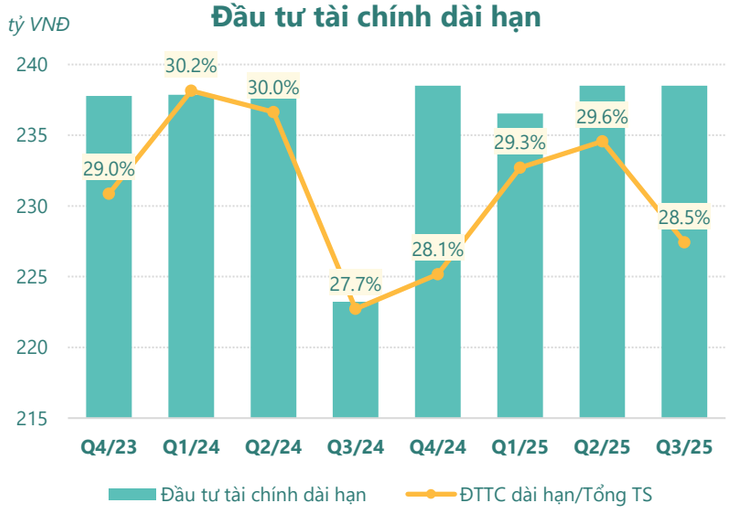
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



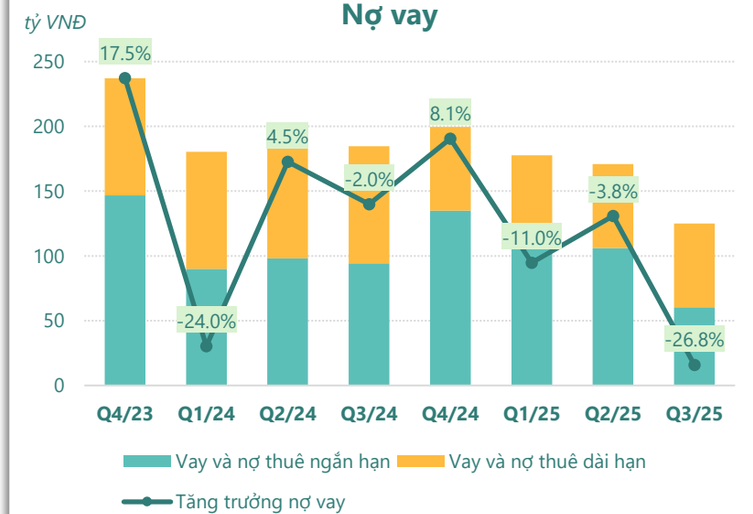
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

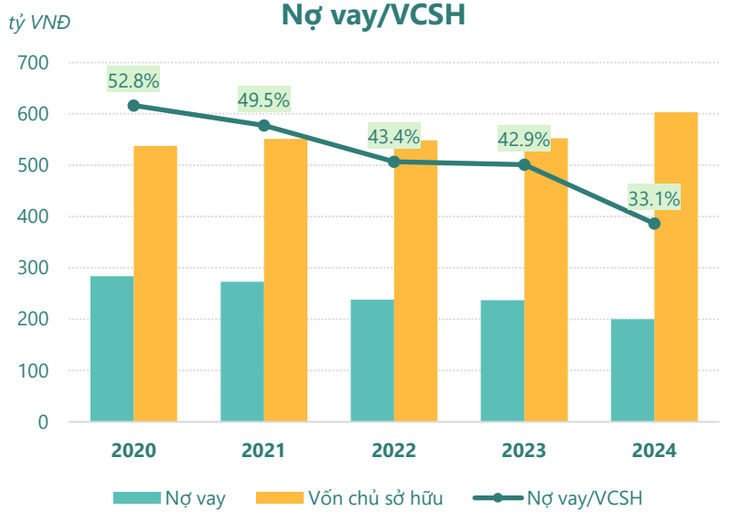
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

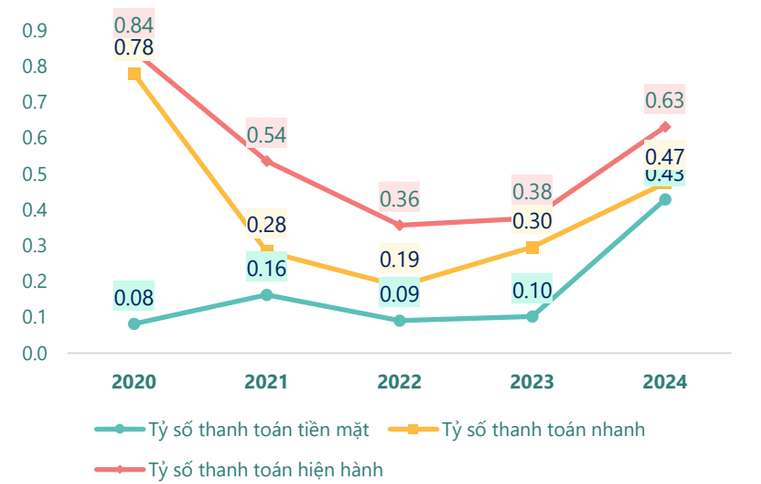
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



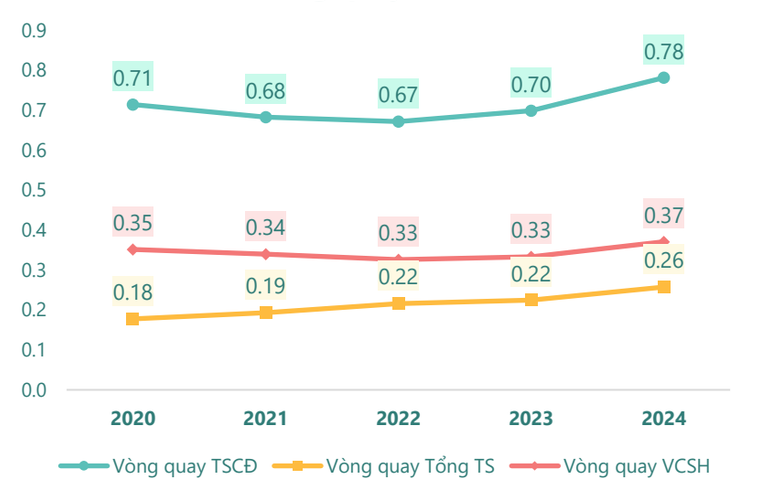
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



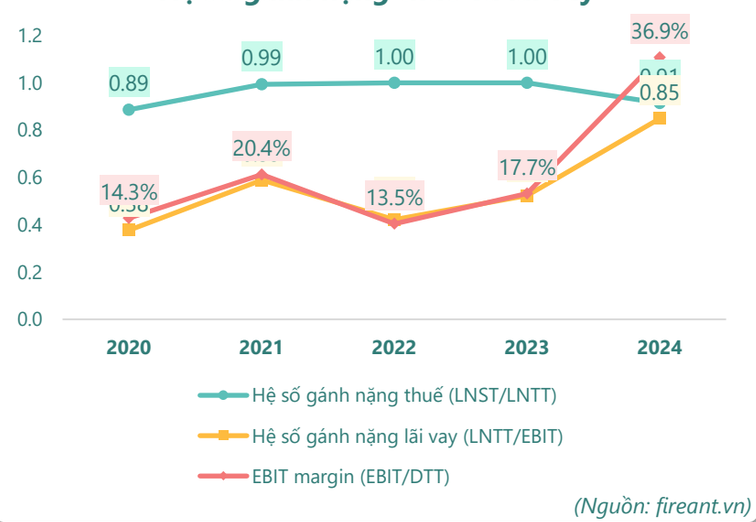
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



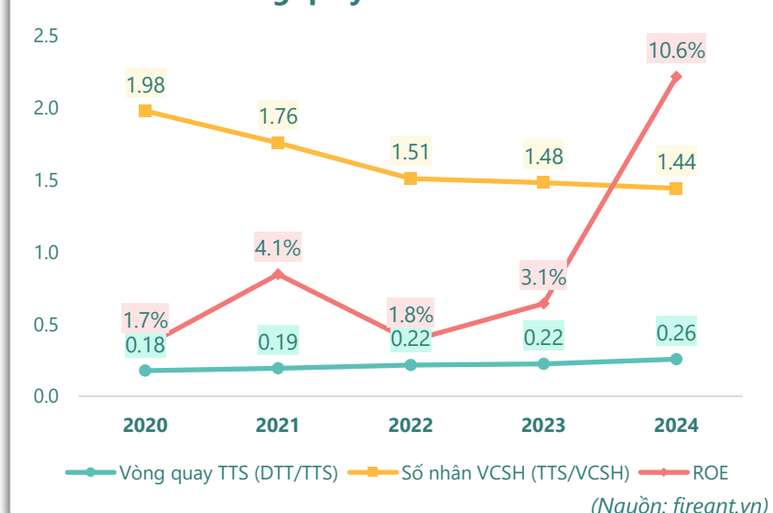
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



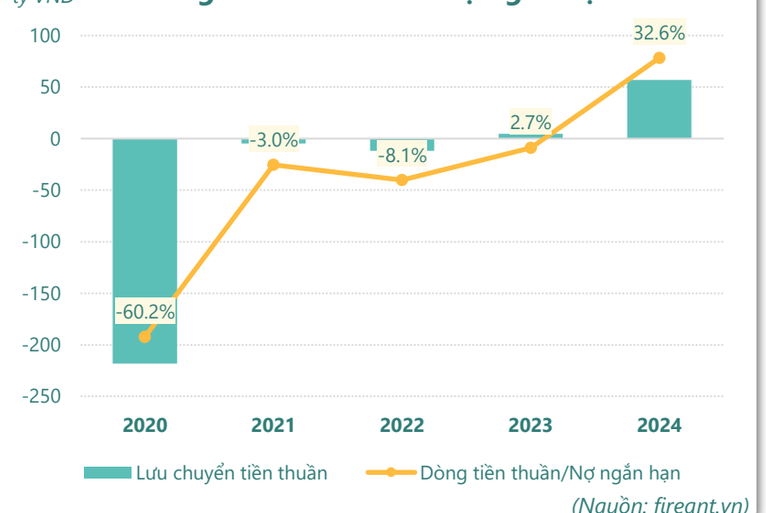
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**67.2**	**77.3**	**-13.0%**	**164**	**124**	**31.9%**
Giá vốn hàng bán	56.2	63.6	-11.7%	140	104	33.7%
Lợi nhuận gộp	11.1	13.7	-19.1%	24.3	19.9	22.2%
Doanh thu HĐTC	21.1	16.0	31.9%	21.4	16.2	32.1%
Chi phí TC	3.81	19.1	-80.0%	7.74	23.9	-67.6%
Chi phí lãi vay	3.55	4.08	-12.9%	9.32	8.77	6.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.66	0.70	-5.8%	1.43	1.38	3.6%
Chi phí QLDN	**5.05**	**3.94**	**28.3%**	**10.7**	**8.23**	**30.6%**
LN thuần từ HĐKD	22.7	6.02	276%	25.9	2.66	870%
Lợi nhuận khác	**0.29**	**-0.05**	**679%**	**2.42**	**4.21**	**-42.5%**
LN trước thuế	23.0	5.96	285%	28.3	6.87	311%
Lợi nhuận sau thuế	**22.0**	**5.96**	**270%**	**26.8**	**6.87**	**290%**
LNST của CĐ cty mẹ	**22.0**	**5.96**	**270%**	**26.8**	**6.87**	**290%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.47	24.8	-25.7	-25.0	18.2	43.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.74	-2.69	53.8	-0.87	-0.17	19.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.19	-3.79	15.0	-22.0	-6.82	-45.9
Tiền đầu kỳ	13.6	13.6	31.9	75.0	27.1	38.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.03**	**18.3**	**43.0**	**-47.9**	**11.2**	**17.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.01	0.04	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	13.6	31.9	75.0	27.1	38.3	55.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**837**	**846**	**-1.0%**
Tài sản ngắn hạn	109	110	-1.3%
Tiền và tương đương tiền	55.4	75.0	-26.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5.01	7.17	-30.1%
Hàng tồn kho	48.5	27.4	77.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.83	-100%
Tài sản dài hạn	**728**	**736**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	328	288	13.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	158	207	-24.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	239	237	0.8%
Tài sản dài hạn khác	**4.18**	**3.58**	**16.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	217	243	-10.5%
Nợ ngắn hạn	**149**	**175**	**-14.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.3	135	-55.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.4	5.00	108%
Nợ dài hạn	67.8	67.8	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	64.7	64.7	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**620**	**603**	**2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**620**	**603**	**2.8%**
Vốn điều lệ	302	302	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)